

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06/ 7 /2018

*V/v tranh chấp hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Nguyễn Ngọc Chung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hải Đăng;

Ông Lục Viết Sang.

- **Thư ký phiên toà** : Ông Giáp Văn Thìn - Thư ký Toà án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT tham gia phiên toà**: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2018/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn : Chị Lục Thị M, sinh năm 1986(Có mặt )

Địa chỉ: VS, xã ĐS, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Lương Xuân K, sinh năm 1984 (Vắng mặt )

Địa chỉ: VS, xã ĐS, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 06 tháng 02 năm 2018, bản tự khai ngày 09 tháng 02 năm 2018, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa chị Lục Thị M trình bày:

Chị kết hôn với anh Lương Xuân K năm 2004 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện YT, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống bình thường, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xảy ra mâu

thuần, đến năm 2014 chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, trong thời gian này vợ chồng không liên lạc với nhau, đến tháng 11/2017 chị M về nước vợ chồng sống chung cùng nhau được một tháng thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn anh K đánh chị M do không chịu nổi đến tháng 12/2017 chị M về nhà bố mẹ đẻ ở, anh K có sang đón gọi nhưng chị M không về, xác định tình cảm vợ chồng không còn chị M xin ly hôn với anh K.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị M và anh K có một con chung là Lương Thế A, sinh ngày 24/01/2006, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chung: Không có không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa chị M không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện.

Tại bản tự khai ghi ngày 23/02/2018 bị đơn anh Lương Xuân K trình bày: Anh và chị M kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐS, huyện YT, vợ chồng sống chung đến năm 2014 chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến tháng 10/2017 thì về nước vợ chồng sống chung được một tháng do anh K nghi ngờ chị M có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên chị M sinh sự với anh K và bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh K có sang đón gọi nhưng chị M không về, anh K xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn chị M làm đơn xin ly hôn anh K không đồng ý.

Về con chung, anh K và chị M có một con chung là Lương Thế A, sinh ngày 24/01/2006,

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Lương Xuân K: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án. Thông báo hợp lệ cho anh K hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Thông báo nộp tài liệu chứng cứ cho anh K nhưng anh K vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa án làm việc và không nộp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, tại phiên tòa hôm nay anh K vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS. Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị M được

ly hôn anh K

- Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Lương Xuân K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX quyết định xử vắng mặt anh Lương Xuân K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị M và anh Lương Xuân K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị M và anh K là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống cùng nhau ngay do chị M có nghi ngờ anh K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên năm 2014 chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến tháng 11/2017 chị M về nước, chị M và anh K sống chung được một tháng, anh K nghi ngờ chị M có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, anh K đánh đập chị M, do không chịu nổi đến tháng 12 năm 2017 chị M về nhà bố mẹ đẻ ở, anh K có sang đón gọi nhưng chị M không về. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, phía chị M làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ nên cần áp dụng điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Lục Thị M được ly hôn anh Lương Xuân K là phù hợp

[3] Về con chung: Chị M và anh K có một con chung là Lương Thế A, sinh ngày 24/01/2006. Chị M không yêu cầu giải quyết về con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chung: Chị M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

*Từ nhận định trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Xứ :

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lục Thị M được ly hôn anh Lương Xuân K.

2. Về án phí: Chị Lục Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí HNGĐ sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp tại biên lai số AA/2014/0004125 ngày 09/02/2018 tại chi cục thi hành án dân sự huyện YT.

Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi ở cuối cùng./.

**Nơi nhận**

- Toà án Tỉnh;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện YT;
- Thi hành án huyện YT;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Chung**